

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S3...

Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....



## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 4 - Look again! - Vocabulary revision

#### A. Vocabulary

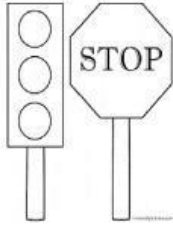
##### ❖ Extra vocabulary

| No. | Words                    | Meanings       | No. | Words                              | Meanings      |
|-----|--------------------------|----------------|-----|------------------------------------|---------------|
| 1   | <b>dirty</b> (adj)       | bẩn            | 6   | <b>battle</b> (n)                  | trận đấu      |
| 2   | <b>traffic light</b> (n) | đèn giao thông | 7   | <b>space ship</b> (n)              | tàu vũ trụ    |
| 3   | <b>noise</b> (n)         | tiếng ồn       | 8   | <b>hide and seek</b> (n)           | trốn tìm      |
| 4   | <b>will</b> (n)          | ý chí          | 9   | <b>proud of someone</b> (adj. phr) | tự hào về ai  |
| 5   | <b>fire engine</b> (n)   | xe cứu hoả     | 10  | <b>ambulance</b> (n)               | xe cứu thương |

**\* Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; adj.phr = adjective phrase: cụm tính từ.*  
*\* Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.*

#### B. Homework

##### I. Look at the pictures and write the correct letter (Nhìn tranh và viết chữ cái phù hợp)

|                                                                                                 |                                                                                                 |                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b><br> | <b>B</b><br> | <b>C</b><br> |
| <b>D</b><br> | <b>E</b><br> | <b>F</b><br> |

0. This sign looks like a triangle.

**E**

1. The boy is impolite.

2. The cat's fur is soft.

3. This clock is square.

4. This traffic light has three circles.

5. The polar bear is eating.

---

---

---

---

---

## II. Choose one word to fill in each blank (Chọn một từ để điền vào chỗ trống)

0. I really like her because she is polite.

**polite**

**dominant**

1. Animals can \_\_\_\_\_ to hide.

2. They have to \_\_\_\_\_ because it's 2 a.m.

**camouflage**

**cube**

3. The \_\_\_\_\_ polar bears win the fight.

4. The ice's shape is \_\_\_\_\_.

**creep**

**impossible**

5. It is \_\_\_\_\_ for people to live under water.

## III. Circle the correct answer (Khoanh tròn vào đáp án đúng)

0. We need water, let's look for a / an (**deer** / **oasis**).

1. In the winter, the street is covered with (**snow** / fur).

2. Her dress was dirty so she had to (**creep** / **change**) it.

3. Look! I can see the fruit on the (**branches** / optical illusion).

4. When two people play hide and seek, one has to look for the other who has to (**hide** / push).

5. The (**deer** / polar bear) is eating grass in the forest.

## IV. Read the passage and write T (True) or F (False) (Đọc đoạn văn và chọn T (Đúng) hoặc F (Sai))

I have a friend named Michael and I know a lot about him. He always uses his right hand to do things. He can wait for me for a long time. He is also a polite person and has a strong will. He often helps me to learn English. I am really proud of him.

0. It is hard to tell Michael to give up.

**T**

1. Michael has a dominant right hand.

\_\_\_\_\_

2. Michael is patient.

\_\_\_\_\_

3. Michael is unkind.

\_\_\_\_\_

4. Michael is a polite person.

\_\_\_\_\_

5. Michael never helps friends.

\_\_\_\_\_

## V. Reorder the sentence (Sắp xếp lại câu)

0. The / was / impolite. / man

→ The man was impolite.

1. unfinished. / homework / The / was

→ \_\_\_\_\_

2. The / wet / was / cat / too.

→ \_\_\_\_\_

3. movie / unbelievable. / The / was

→ \_\_\_\_\_

4. kitchen / unclean / The / too. / was

→ \_\_\_\_\_

5. The / cup / imperfect. / was

→ \_\_\_\_\_

Các con nghe theo link này:

<https://drive.google.com/file/d/1E5-sEJBicM5ORjYcVdv3RliyZHs8G6lo/view?usp=sharing>

## Part 3

– 5 questions –

Where did Frank's mother see each thing?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



taxi



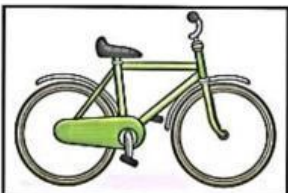
rocket



fire engine



ambulance



bicycle



spaceship





A



B



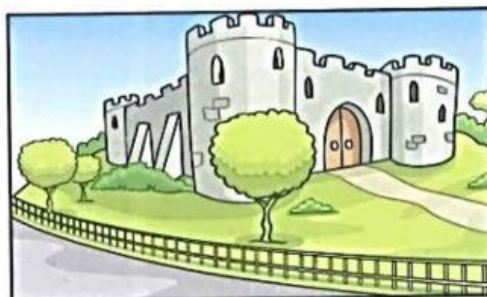
C



D



E



F



G



H